

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 16 - 01 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm và bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST-DS ngày 15-05-2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 189/2019/QĐXX-ST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2019/QĐ-HPT ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thông báo rời lịch xét xử số: 01 ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1982, (*vắng mặt*).

Trú tại: Phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1988;
Trú tại: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (*có mặt*).

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị V, sinh năm 1974, (*vắng mặt*).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xã B, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Trú tại: Phường Tân A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đặng Anh T trình bày:**

Do tình cảm bạn bè quen biết với nhau, nên vào ngày 04-10-2018 nguyên đơn có cho cá nhân bị đơn vay tổng số tiền = 406.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 3%/tháng

(có viết giấy xác nhận nợ), hẹn đến khi nào nguyên đơn cần thì báo trước bị đơn một tháng, bị đơn sẽ trả. Sau đó nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là: 406.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất và bà T chỉ yêu cầu một mình bà V nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 02/7/2019, bị đơn bà Đặng Thị V trình bày:*

Bà xác nhận: Trong năm 2018 bà có vay của bà T nhiều lần tiền và cũng có nhiều lần trả nợ gốc, nợ lãi, nhưng các lần trả không ghi giấy tờ gì. Sau đó đến ngày 04 tháng 10 năm 2018 thì bà T có yêu cầu bà viết giấy nhận nợ số tiền là 406.000.000đồng. Nay bà T khởi kiện bà xác định: Đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà và bà chấp nhận sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc vay là 406.000.000đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị bà T cho bà trả dần theo khả năng thu nhập hàng năm.

** Tòa án đã triệu tập các bên để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Đây là vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố B, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Bị đơn, đã được Tòa án nhân dân Thành phố B, tổng đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo thủ tục quy định chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét việc vay nợ tiền giữa nguyên đơn với bị đơn là có thật, được thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 04-10-2018; có chữ ký và viết tên: Đặng Thị V, chứng cứ đã được kiểm tra công khai (bút lục 35). Khi vay bị đơn hẹn đến khi nào nguyên đơn cần thì báo trước cho bị đơn thời gian là một tháng, bị đơn sẽ trả. Sau đó nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không chịu trả, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số nợ gốc là: 406.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 406.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[2.2] **Về lãi suất:** Trong giấy vay tiền không thể hiện hai bên có thỏa thuận tính lãi suất. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] **Về án phí:** Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bị đơn phải chịu án phí DSST, cụ thể được tính như sau: 406.000.000đồng = 20.000.000đồng + (4% x 6.000.000đồng) = 20.240.000đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; khoản 1 Điều 184; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

*** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh T.**

*** Tuyên xử:**

1. Buộc bà Đặng Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị Thanh T số tiền nợ gốc là: 406.000.000đồng (*Bốn trăm lẻ sáu triệu đồng*).

*** Về lãi suất:** Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

*** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.**

2. Về án phí:

- Bà Đặng Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 20.240.000đồng, (*Hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả bà Bùi Thị Thanh T, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 10.120.000đồng theo biên lai số AA/2017/0012442 ngày 13-05-2019 của Thi hành án

dân sự Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã H., Tp.B;
- Lưu hồ sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị An